TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NA HANG** **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: **84**/2023/HNGĐ-ST Ngày 16/11/2023 V/v "Tranh chấp về hôn nhân và gia đình"	

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NA HANG, TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trường Giang.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông: Nguyễn Đức Nhâm.

2. Ông: Chẩu Văn Khỏe.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Đàm Thị Yến - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang, tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Vương - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 11 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang, xét xử công khai vụ án thụ lý số: **50**/2023/TLST-HNGĐ, ngày 30 tháng 6 năm 2023, về "Yêu cầu không công nhận là vợ chồng".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: **35**/2023/QĐXXST-HNGĐ, ngày 29 tháng 9 năm 2023. Quyết định hoãn phiên tòa số: **24**/2023/QĐST-HNGĐ, ngày 27 tháng 10 năm 2023.

1. Nguyên đơn: Chị Lường Thị N, sinh năm: 1981.

Địa chỉ: Thôn B, xã C, huyện P, tỉnh Bắc Kạn. Có mặt.

2. Bị đơn: Anh Hoàng Văn C, sinh năm: 1981.

Địa chỉ: Thôn B, xã Đ huyện N, tỉnh Tuyên Quang. Vắng mặt không có lý do lần thứ hai.

NỘI DỤNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa chị Lường Thị N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Sau một thời gian tìm hiểu chị và anh Hoàng Văn C được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương vào năm 2001, kể từ khi cưới hỏi anh, chị cư trú tại thôn B, xã Đ. Cuộc sống chung của anh, chị hạnh phúc được vài năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, anh C không quan tâm tới vợ, con và đi ngoại tình về nhà lại đánh chửi chị, việc vợ chồng chị mâu thuẫn đã được hai bên gia đình khuyên bảo nhưng không đạt kết quả gì. Chị đã bỏ về nhà ngoại ở thôn B, xã C, huyện P cư trú từ năm 2018 cho đến nay, trong thời gian sống ly thân anh, chị không còn quan tâm tới nhau nữa, mấy năm nay anh C đã chung sống với người phụ nữ khác như vợ chồng. Do vợ chồng chị không có đăng ký kết hôn nên chị yêu cầu Tòa án tuyên bố chị và anh C không phải là vợ chồng.

Về con chung: Chị và anh C có 02 con chung tên các cháu là Hoàng Văn K, sinh ngày 16/10/2002; Hoàng Thị T, sinh ngày: 16/01/2006. Cháu K đã trưởng thành có công việc làm ăn tử tế đủ khả năng nuôi dưỡng bản thân nên tôi không đề nghị giải quyết. Còn cháu T cũng đã đi lấy chồng ở thôn B, xã Đ, huyện N, có công ăn việc làm ổn định nên việc cháu ở với ai theo quy định của pháp luật thì tùy cháu.

Về tài sản chung: Chị và anh C sẽ tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về vay nợ chung: Chị xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt thông báo về việc thụ lý vụ án, gửi bản sao đơn khởi kiện cho anh C nhưng do anh C không có mặt tại nơi cư trú nên không tiến hành tống đạt được, Tòa án đã tiến hành thủ tục niêm yết công khai các văn bản tố tụng, anh C không đến Tòa án để giải quyết vụ án và cũng không có yêu cầu phản tố hay ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của chị N.

Xác minh tại thôn T, xã Đ, huyện N, được ông Lường Đức P trưởng thôn biết như sau: Chị N và anh C không có đăng ký kết hôn, anh C có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn B, xã Đ; hiện nay anh C không có mặt tại nơi cư trú đã đi làm công nhân từ tháng 3/2023, đợt nghỉ lễ 30/4 anh C có về nhà vài ngày rồi lại đi làm, nguyên nhân mâu thuẫn giữa chị N và anh C là do anh C đi ngoại tình, anh, chị thường xuyên cãi chửi, đánh nhau, thôn đã hòa giải nhiều lần nhưng không đạt kết quả gì; chị N đã bỏ về nhà ngoại cư trú từ năm 2018.

Tại bản tự khai cháu Hoàng Thị T trình bày: Đã đi lấy chồng từ năm 2022, hiện cháu đang ở tại nhà chồng ở thôn Bản Lục, xã Đ, vợ chồng cháu có công ăn việc làm ổn định tự nuôi sống được bản thân, do đó khi bố mẹ cháu ly hôn, cháu đề nghị Tòa án không giao cháu cho bố hoặc mẹ trực tiếp nuôi dưỡng và không phải cấp dưỡng nuôi cháu.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Na Hang, phát biểu quan điểm giải quyết vụ án như sau:

Về tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi HĐXX vào nghị án, Thẩm phán, HĐXX và Thư ký Tòa án thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự (sau đây viết tắt là BLTTDS), Viện kiểm sát không có yêu cầu, kiến nghị gì về việc giải quyết vụ án.

Về nội dung: Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 143, 144, 147, 227, 228, 266, 271 và Điều 273 của BLTTDS; Các Điều 14, 15, 81, 82 của Luật Hôn nhân và gia đình (sau đây viết tắt là Luật HN&GĐ); Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Đề nghị HĐXX: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lường Thị Nghi .

Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị Lường Thị N và anh Hoàng Văn C là vợ chồng.

Về con chung: Giao cháu Hoàng Thị T cho chị Lường Thị N trực tiếp nuôi dưỡng, anh Hoàng Văn C không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm con mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung và vay nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

Ngoài ra tuyên buộc chị Lường Thị N phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn và quyền kháng cáo của các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Hoàng Văn C đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn B, xã Đ, huyện N. Việc Tòa án nhân dân huyện Na Hang, thụ lý vụ án trên là đúng thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại các Điều 28, 35, 39 của BLTTDS. Quá trình giải quyết Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho chị N, thực hiện thủ tục niêm yết công khai các văn bản tố tụng đối với anh C, anh C đã không có mặt để làm việc, do đó Tòa án không tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải được; thuộc trường hợp Tòa án không tiến hành hòa giải được theo quy định tại Điều 207 của BLTTDS. Quá trình xác minh anh C không có mặt tại nơi cư trú từ ngày 30/4/2023 cho đến khi xét xử mà không thông báo cho cơ quan, người có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về cư trú, căn cứ điểm e khoản 1 Điều 192 của BLTTDS, xác định anh C cố tình giấu

địa chỉ. Căn cứ vào các Điều 227 và Điều 228 của BLTTDS, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lường Thị N và anh Hoàng Văn Chung c sống với nhau như vợ chồng từ năm 2001 suốt thời gian chung sống hạnh phúc anh, chị đã không thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn và quá trình giải quyết vụ án các đương sự cũng không yêu cầu Tòa án công nhận là vợ chồng kể từ khi đã đủ điều kiện kết hôn. HĐXX xét thấy việc chị N yêu cầu không công nhận chị và anh C là vợ chồng là có căn cứ. Căn cứ vào Điều 14 của Luật HN&GĐ, HĐXX chấp nhận yêu cầu của chị N.

[3] Về con chung: Chị Lường Thị N xác định chị và anh C có 02 con chung tên là Hoàng Văn K, sinh ngày 16/10/2002; Hoàng Thị T, sinh ngày: 16/01/2006. Cháu K đã trưởng thành có công việc làm ăn tử tế đủ khả năng nuôi dưỡng bản thân nên chị không đề nghị giải quyết. Còn cháu T cũng đã đi lấy chồng ở thôn B, xã Đ, huyện N, có công ăn việc làm ổn định nên việc cháu ở với ai theo quy định của pháp luật thì tùy cháu. Xét nguyện vọng của cháu T khi Tòa án giải quyết việc ly hôn, cháu đề nghị Tòa án không giao cháu cho bố hoặc mẹ trực tiếp nuôi dưỡng và không phải cấp dưỡng nuôi cháu. Tuy nhiên cháu T vẫn chưa đủ 18 tuổi. Căn cứ vào các Điều 81 và 82 của Luật HN&GĐ, HĐXX xét thấy phải giao cháu T cho chị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, anh C không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không được cản trở là phù hợp có căn cứ.

[4] Về tài sản chung: Chị Lường Thị N không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó HĐXX không xem xét giải quyết trong vụ án này.

[5] Về vay nợ chung: Chị Lường Thị N xác định không có.

[6] Về án phí: Chị Lường Thị N phải nộp án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

[7] Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 143, 144, 147, 227, 228, 266, 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các Điều 14, 15, 81 và Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình. Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lường Thị Nghi .

Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị Lường Thị N1 và anh Hoàng Văn C là vợ chồng.

Về con chung: Giao cháu Hoàng Thị T, sinh ngày: 16/01/2006 cho chị Lường Thị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi, anh Hoàng Văn C không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

2. Về án phí: Chị Lường Thị N phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí sơ thẩm ly hôn, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Na Hang, theo biên lai thu tiền tạm ứng phí số: AA/2021/0005089, ngày 30/6/2023.

3. Về quyền kháng cáo: Chị N có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (16/11/2023).

Anh Hoàng Văn C có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Na Hang;
- Chi cục THADS huyện Na Hang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Trường Giang